

CÔNG NGHIỆP HÓA, PHÂN TẦNG XÃ HỘI VÀ XU HƯỚNG PHÂN HÓA GIÀU NGHÈO Ở VIỆT NAM

HÀ VIỆT HÙNG*

Theo các kết quả điều tra mức sống dân cư Việt Nam (VHLSS), từ năm 2002 đến 2010, chênh lệch giữa nhóm thu nhập cao nhất so với nhóm thu nhập thấp nhất đã tăng từ 8,1 lên 9,2 lần trong phạm vi cả nước. Ở khu vực nông thôn, mức chênh lệch này đã tăng từ 6,0 lên 7,5 lần, trong khi ở khu vực thành thị, mức chênh lệch giữa hai nhóm thu nhập cao nhất và thấp nhất lại giảm nhẹ từ 8,0 xuống 7,9 lần (Tổng cục Thống kê, 2011). Từ những số liệu này, có thể đặt ra câu hỏi: Xu hướng phân hóa giàu nghèo ở nước ta trong giai đoạn 2011-2020 sẽ như thế nào?; Biến đổi về phân hóa giàu nghèo ở Việt Nam có mối quan hệ thế nào với thực tiễn biến đổi phân tầng xã hội ở các nước công nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa?

1. Công nghiệp hóa và phân tầng xã hội

Hiện đại hóa là quá trình các xã hội nông nghiệp biến đổi thành các xã hội công nghiệp (Stark, 1997). Hiện đại hóa là một khái niệm song hành với khái niệm công nghiệp hóa. Khi một xã hội thực hiện công nghiệp hóa, xã hội đó bước vào thời kỳ quá độ để chuyển từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp. Công nghiệp hóa là phương tiện để các xã hội chuyển đổi từ nền sản xuất dựa trên sức mạnh cơ bắp là chính sang nền sản xuất dựa chủ yếu vào tri thức và công nghệ.

Với những dữ liệu thu thập được, các nhà xã hội học cho rằng, sự giàu có tăng lên của các xã hội nông nghiệp cùng với phát triển phân công lao động xã hội đã làm cho mức độ phân tầng xã hội tăng lên mạnh mẽ. Xu hướng năng suất lao động xã hội càng cao thì mức độ phân tầng trong các xã hội nông nghiệp càng lớn. Do đó, các nhà khoa học thế kỷ 19 đã tiên đoán rằng việc tăng năng suất lao động một cách kinh ngạc do công nghiệp hóa có thể sẽ làm cho xã hội phân tầng hơn (Stark, 1997).

So với các xã hội nông nghiệp, các xã hội công nghiệp có sự đa dạng ngành nghề và phân công lao động xã hội sâu sắc. Phổ cập giáo dục và tạo cơ hội bình đẳng để tiếp cận tới tất cả các bậc học của hệ thống giáo dục trong xã hội công nghiệp là tiền đề của sự đa dạng hóa nghề nghiệp. Mối quan hệ giữa giáo dục và nghề nghiệp trở nên rõ ràng nhất trong các xã hội hiện đại, khi mà nó mang lại những khoản thu nhập cao hơn nhiều cho đông đảo những người lao động được đào tạo. Song điều này không làm cho xã hội phân tầng hơn, mà ngược lại, nó thúc đẩy mức độ phân tầng xã hội giảm đi ở các xã hội công nghiệp (Stark, 1997).

*TS, Viện Xã hội học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Stark (1997) cho rằng, công nghiệp hóa đã tạo ra hai biến đổi xã hội cơ bản để làm giảm mức độ phân tầng. Biến đổi thứ nhất là công nghiệp hóa đã nâng cao kỹ năng và trình độ cần thiết của người lao động để có thể làm việc trong các công xưởng hay nhà máy, hoặc biết sử dụng máy móc trong sản xuất nông nghiệp. Các xã hội công nghiệp không đòi hỏi con người phải làm việc nặng nhọc hơn nhưng phải “làm việc thông minh hơn”.

Từ biến đổi thứ nhất dẫn đến biến đổi thứ hai của công nghiệp hóa là những người lao động bình thường trở nên mạnh mẽ hơn và do vậy, họ có khả năng hơn để chống lại sự áp bức. Kết quả là, lương hay tiền công được xác định trên cơ sở thỏa thuận nhiều hơn là bởi sự ép buộc. Trong các xã hội nông nghiệp, vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực được sử dụng để buộc người lao động làm việc nặng nhọc. Nhưng sẽ khó khăn hơn nhiều nếu muốn buộc mọi người làm việc thông minh hơn.

Như vậy, biến đổi phân tầng xã hội ở các xã hội công nghiệp đã đảo chiều so với xã hội nông nghiệp. Việc tăng năng suất lao động do công nghiệp hóa mang lại đã không làm cho xã hội phân tầng mạnh hơn, mà ngược lại, mức độ phân tầng xã hội đã giảm đi ở các xã hội công nghiệp. Có thể mô hình hóa quá trình đảo chiều bất ngờ này thành ba giai đoạn như sau: (1) công nghiệp hóa được bắt đầu từ ngay bên trong xã hội nông nghiệp; phổ cập giáo dục phát triển và năng suất lao động tăng lên nhanh hơn so với giai đoạn trước đó; (2) Tiếp tục công nghiệp hóa; năng suất lao động và thu nhập bình quân chung tiếp tục tăng nhanh; xã hội phân tầng hơn; (3) Kết thúc công nghiệp hóa; phân tầng xã hội bắt đầu giảm và xã hội công nghiệp được thiết lập.

Với tiếp cận xã hội học, thời điểm khi phân tầng xã hội dường như chững lại và đảo chiều giảm xuống là thời điểm hoàn thành công nghiệp hóa và xã hội công nghiệp được thiết lập. Đây là một kết quả nghiên cứu rất quan trọng của các nhà xã hội học trên thế giới trong lĩnh vực phân tầng xã hội. Dựa trên mô hình này, chúng ta có thể phân tích các số liệu điều tra mức sống dân cư Việt Nam năm 2002 và 2010 để đánh giá xu hướng phân hóa giàu nghèo ở nước ta giai đoạn 2001-2010 và dự báo xu hướng phân hóa giàu nghèo trong giai đoạn 2011-2020.

2. Phân hóa giàu nghèo ở Việt Nam giai đoạn 2001-2010

Bảng 1 trình bày các số liệu về chênh lệch thu nhập bình quân đầu người một tháng năm 2002 và 2010 theo giá thực tế giữa nhóm thu nhập cao nhất và nhóm thu nhập thấp nhất phân theo thành thị, nông thôn và phân theo 8 vùng do Tổng cục Thống kê thực hiện (2011).

Như trên đã nêu, chênh lệch giữa nhóm thu nhập cao nhất so với nhóm thu nhập thấp nhất đã tiếp tục tăng trong phạm vi cả nước và ở khu vực nông thôn, nhưng ở khu vực thành thị, mức chênh lệch giữa hai nhóm thu nhập cao nhất và thấp nhất lại có xu hướng đảo chiều.

Các số liệu trong Bảng 1 cũng cho thấy biến đổi chênh lệch thu nhập giữa hai nhóm thu nhập cao nhất và thấp nhất ở 8 vùng. Chênh lệch thu nhập tiếp tục tăng ở 7/8

vùng với mức độ khác nhau. Riêng khu vực Đông Nam Bộ, chênh lệch thu nhập có xu hướng đảo chiều.

Đông Nam Bộ là vùng phát triển nhất ở nước ta trong giai đoạn vừa qua. Thu nhập bình quân đầu người một tháng bình quân chung của vùng Đông Nam Bộ cao hơn hẳn so với cả 7 vùng còn lại của đất nước. Mức thu nhập của vùng Đông Nam Bộ ở mức tương đương so với khu vực thành thị của cả nước (xem Bảng 1). Những số liệu đưa ra trong Bảng 1 gợi ý rằng, vùng Đông Nam Bộ và khu vực thành thị của nước ta đã bắt đầu đạt tới giai đoạn phát triển đầu tiên của một xã hội công nghiệp với dấu hiệu là chênh lệch thu nhập giữa các nhóm xã hội bắt đầu giảm xuống.

Bảng 1. Phân hóa giàu nghèo ở Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010

	Thu nhập bình quân đầu người một tháng (nghìn đồng)						Chênh lệch*	
	2002			2010			2002	2010
	Chung	Nhóm thấp nhất	Nhóm cao nhất	Chung	Nhóm thấp nhất	Nhóm cao nhất		
Cả nước	356,1	107,7	872,9	1387,2	369,3	3411,0	8,1	9,2
Thành thị	622,1	184,2	1479,2	2129,7	633,1	4984,5	8,0	7,9
Nông thôn	275,1	100,3	598,6	1070,5	330,1	2462,3	6,0	7,5
Đồng bằng sông Hồng	353,1	120,7	828,3	1568,2	467,9	3734,2	6,9	8,0
Đông Bắc	268,8	95,1	588,0	1054,8	307,9	2530,5	6,2	8,2
Tây Bắc	197,0	75,0	446,6	741,1	240,3	1739,1	6,0	7,2
Bắc Trung Bộ	235,4	89,0	518,7	902,9	287,2	1959,9	5,8	6,8
DH Nam Trung Bộ	305,8	112,9	656,9	1162,2	371,1	2683,6	5,8	7,2
Tây Nguyên	244,0	85,5	546,7	1088,1	306,2	2528,6	6,4	8,3
Đông Nam Bộ	619,7	165,4	1493,2	2165,0	627,9	5293,7	9,0	8,4
ĐB sông Cửu Long	371,3	126,2	860,1	1247,2	395,5	2909,1	6,8	7,4

*Chú thích: * Chênh lệch giữa nhóm thu nhập cao nhất so với nhóm thu nhập thấp nhất (lần)*

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2011

Theo tiếp cận kinh tế học, một trong những tiêu chí đánh giá một quốc gia hay vùng lãnh thổ kết thúc quá trình công nghiệp hóa là tỷ lệ lao động nông nghiệp chỉ còn khoảng 20% (Đỗ Thiên Kính, 2014). Theo số liệu của VHLSS 2002-2010, tỷ lệ lao động nông nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ đã giảm từ 36,0 % năm 2002 xuống còn 18,4 % năm 2010 (Bảng 2). Số liệu này là một bằng chứng bổ sung cho nhận định vùng Đông Nam Bộ đã bước vào giai đoạn phát triển đầu tiên của một xã hội công nghiệp (kết thúc quá trình công nghiệp hóa).

Như vậy, nếu chỉ xem xét mức độ phân hóa giàu nghèo trên phạm vi cả nước, có thể thấy mức độ bất bình đẳng ngày càng tăng giữa nhóm thu nhập cao nhất và nhóm thu nhập thấp nhất giữa hai cuộc khảo sát năm 2002 và năm 2010 (từ 8,1 lên 9,2 lần) và phân tầng xã hội ở nước ta có xu hướng trở thành mô hình phân tầng hai cực (Đỗ Thiên Kính, 2014). Nhưng khi xem xét mức độ phân hóa giàu nghèo theo lát cắt thành thị - nông thôn hay từng vùng lãnh thổ, thì sẽ thấy một bức tranh khác. Dường như biến đổi phân tầng xã

hội ở Việt Nam đang diễn ra theo mô hình như đã xảy ra ở các nước công nghiệp phát triển đi trước. Đó là, chừng nào ở đâu chưa hoàn thành công nghiệp hóa thì mức độ bất bình đẳng vẫn tiếp tục tăng giữa hai nhóm ở đỉnh và đáy của tháp phân tầng (trường hợp 7/8 vùng của Việt Nam đến năm 2010). Mức độ bất bình đẳng này sẽ chững lại và đảo chiều, giảm xuống khi ở đó hoàn thành công nghiệp hóa như trường hợp vùng Đông Nam Bộ năm 2010 vừa nhận xét ở trên.

Bảng 2. Tỷ lệ lao động nông nghiệp 8 vùng theo VHLSS 2002 và 2010

Đơn vị: %

Vùng	Tỷ lệ lao động nông nghiệp	
	2002	2010
Đồng bằng sông Hồng	47,1	32,7
Đông Bắc	73,0	69,9
Tây Bắc	86,8	81,6
Bắc Trung Bộ	67,3	51,9
Duyên hải Nam Trung Bộ	46,6	27,3
Tây Nguyên	70,3	62,2
Đông Nam Bộ	36,0	18,4
Đồng bằng sông Cửu Long	55,5	37,8
Cả nước	57,4	44,1

Nguồn: Số liệu VHLSS 2002 và 2010

Với số liệu của hai cuộc khảo sát VHLSS 2002 và 2010, chưa thể kết luận là năm 2010 đánh dấu thời điểm vùng Đông Nam Bộ hoàn thành công nghiệp hóa. Mức giảm về chênh lệch thu nhập giữa nhóm cao nhất và nhóm thấp nhất ở vùng này đã giảm tới 6 điểm phần trăm từ năm 2002 đến 2010. Mức giảm như vậy là khá nhiều so với mức giảm chỉ có 1 điểm phần trăm giữa hai khu vực thành thị và nông thôn. Thời điểm hoàn thành công nghiệp hóa của vùng Đông Nam Bộ có thể rơi vào trước năm 2010.

Xem xét những số liệu về kết quả các cuộc khảo sát VHLSS 2004, 2006 và 2008 của TCTK (2009), có thể thấy mức chênh lệch giữa nhóm thu nhập cao nhất và thấp nhất ở Đông Nam Bộ bắt đầu có dấu hiệu giảm từ năm 2004. Mức chênh lệch giữa hai nhóm này giảm từ mức 9,0 năm 2002 xuống còn 8,7 lần, năm 2004. Trong giai đoạn 2004 - 2008, mức chênh lệch giữa hai nhóm được giữ tương đối ổn định ở mức 8,7 - 8,8 lần. Trong khi đó, ở 7 vùng khác mức chênh lệch vẫn tăng đều, tuy nhịp độ tăng chậm dần.

Kết hợp hai tiêu chí về giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa và sự đảo chiều về mức chênh lệch thu nhập giữa hai nhóm thu nhập cao nhất và thấp nhất, có thể ước tính thời điểm hoàn thành công nghiệp hóa của Đông Nam Bộ là năm 2008.

3. Xu hướng phân hóa giàu nghèo giai đoạn 2011-2020

Những số liệu trình bày trong Bảng 2 là một căn cứ để giúp các nhà nghiên cứu xã hội dự báo về xu hướng phân hóa giàu nghèo giai đoạn 2011 - 2020. Trên phạm vi cả nước, mức độ chênh lệch thu nhập giữa nhóm thu nhập cao nhất so với nhóm thu nhập thấp nhất có khả năng tiếp tục tăng lên do tỷ lệ lao động nông nghiệp ở nước ta, năm

2010, vẫn còn khá cao (44,1%). Để kết thúc quá trình công nghiệp hóa, nước ta phải phấn đấu giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống còn khoảng 20%. Đây thực sự là một thách thức rất lớn với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta trong giai đoạn này.

Những số liệu thu được từ VHLSS 2002 - 2010 cũng cho thấy bức tranh phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều giữa 8 vùng của đất nước. Đông Nam Bộ là vùng có kinh tế - xã hội phát triển mạnh nhất và đã hoàn thành công nghiệp hóa. Mức chênh lệch giữa nhóm thu nhập cao nhất so với nhóm thu nhập thấp nhất ở vùng Đông Nam Bộ có khả năng tiếp tục được thu hẹp.

Trong số 7 vùng còn lại của đất nước, các vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Đồng bằng sông Hồng có nhiều triển vọng sẽ kết thúc quá trình công nghiệp hóa. Theo VHLSS 2010, tỷ lệ lao động nông nghiệp ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ còn 27,3% và ở vùng Đồng bằng sông Hồng còn 32,7%. Do đó, ở hai vùng này, trong giai đoạn 2011 - 2015, mức chênh lệch này có khả năng bị chững lại và đảo chiều giảm xuống.

Trong giai đoạn 2011 - 2020, mức chênh lệch thu nhập giữa các nhóm ở các vùng còn lại nhiều khả năng vẫn tiếp tục tăng lên. Do tỷ lệ lao động nông nghiệp ở những vùng này còn khá cao nên các vùng này ít có triển vọng để đạt được mục tiêu hoàn thành công nghiệp hóa.

Xu hướng phân hóa giàu nghèo giữa các vùng trong cả nước trong giai đoạn 2011 - 2020 sẽ là một bức tranh đa dạng, nhiều chiều. Trong khi các vùng phát triển nhanh hơn hướng tới việc giảm khoảng cách phân hóa giàu nghèo thì các vùng phát triển chậm hơn lại vẫn tiếp tục bị tăng khoảng cách phân hóa giàu nghèo trong quá trình đi tới mục tiêu hoàn thành công nghiệp hóa.

Tài liệu tham khảo

- Đỗ Thiên Kính. 2014. Rào cản đối với tầng lớp nông dân trong hệ thống phân tầng xã hội ở Việt Nam, *Tạp chí Xã hội học*, số 2 (126): 4-14.
- Stark, Rodney. 1997. *Sociology*, Seventh Edition, Wadsworth Publishing Company.
- Tổng cục Thống kê. 2011. *Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam mười năm 2001 - 2010*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê. 2009. *Kết quả điều tra mức sống dân cư Việt Nam 2008*, Nxb Thống kê, Hà Nội.